

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ VÀ KINH DOANH

Tiếng Anh: STATISTICS IN ECONOMICS AND BUSINESS

Mã học phần: TKKD1129 Tổng số tín chỉ: 3

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN:

Họ và tên: **TS. Đỗ Văn Huân**

Văn phòng: Phòng 801 nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Điện thoại: 0904273740

Email: huandv@neu.edu.vn

Các giảng viên tham gia:

- + GS.TS. Phan Công Nghĩa - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + PGS.TS. Trần Thị Kim Thu - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + PGS.TS. Trần Thị Bích - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + TS. Phạm Thị Mai Anh - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + TS. Chu Thị Bích Ngọc - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + TS. Nguyễn Minh Thu - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + TS. Cao Quốc Quang - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + TS. Trần Thị Nga - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + TS. Nguyễn Thị Xuân Mai - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + TS. Lê Hoàng Minh Nguyệt - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + ThS. Nguyễn Huyền Trang - Bộ môn Thống kê kinh doanh
- + ThS. Trần Hoài Nam - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội
- + ThS. Nguyễn Đăng Khoa - Bộ môn Thống kê Kinh tế xã hội

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không yêu cầu điều kiện học trước

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Thống kê trong kinh tế và kinh doanh là môn học có nhiệm vụ nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học; cung cấp một cách có hệ thống: các khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập. Tiếp đó môn học cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp

cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Hệ thống các phương pháp đó bao gồm: phương pháp mô tả và phân tích các đặc điểm của hiện tượng; các phương pháp thống kê suy luận (như ước lượng, phân tích các mối liên hệ, phân tích biến động, và dự đoán thống kê...).

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi học xong người học cần đạt được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Nắm vững kiến thức tổng quát và nhập môn thống kê học với những khái niệm cơ bản trong thống kê và quá trình nghiên cứu thống kê.
- Nắm vững khái niệm chung về điều tra thống kê và làm chủ các kỹ thuật điều tra thống kê, kỹ thuật chọn mẫu và suy rộng kết quả trong điều tra chọn mẫu
- Thành thạo kỹ năng trình bày dữ liệu: kỹ thuật phân tổ thống kê theo một và nhiều tiêu thức; phương pháp trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị thống kê hiệu quả nhất
- Thành thạo các phương pháp thống kê mô tả: tính toán các chỉ tiêu được dùng phổ biến trong phân tích thống kê nói riêng và phân tích hoạt động kinh doanh nói chung như các loại số bình quân, các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tổng thể theo một tiêu thức nào đó....
- Rèn luyện kỹ năng phân tích thống kê trong các tình huống với các mục đích khác nhau trong quản lý bằng hệ thống các phương pháp phân tích thống kê (phân tích mối liên hệ, phân tích biến động qua thời gian và các nhân tố ảnh hưởng...) với những điều kiện vận dụng cụ thể.
- Nắm vững một số phương pháp dự đoán thống kê thường sử dụng trong quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế xã hội. Cụ thể như sau :

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê	CĐR 1.2	3
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê để thực hiện các việc thu thập thông tin cũng như phân tích các hoạt động trong kinh tế và kinh doanh.	CĐR 2.1	3
G3	Chuẩn về năng lực tự chủ và nghề nghiệp: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, thực hiện và phân tích thống kê trong kinh doanh	CĐR 3.1	2

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)	
[1]	[2]	[3]	[4]	
LO.1	Chuẩn kiến thức			
G1	LO.1.1	Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong thống kê, các công cụ đo lường.	CDR 1.2	3
	LO.1.2	Sinh viên hiểu được các phương pháp phân tích thống kê (mô tả, suy luận) phục vụ cho việc phân tích các hoạt động trong kinh tế và kinh doanh.	CDR 1.2	3
LO.2	Chuẩn kỹ năng			
G2	LO.2.1	Sinh viên vận dụng được kiến thức để thực hiện việc tổ chức thu thập các thông tin.	CDR 2.1	3
	LO.2.2	Sinh viên vận dụng các phương pháp thống kê để phân tích bản chất của các chỉ tiêu trong hoạt động kinh tế và kinh doanh (phân tích hiệu quả hoạt động kinh tế và kinh doanh, phân tích hoạt động tài chính,...)	CDR 2.1	3
LO.3	Chuẩn năng lực tự chủ và nghề nghiệp			
G3	LO.3.1.	Sinh viên có khả năng làm việc độc lập phân tích thống kê	CDR 3.1	2
	LO.3.2.	Sinh viên có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao nghiệp vụ thống kê trong kinh doanh	CDR 3.2	2

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

CHƯƠNG 1 - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỐNG KÊ

Thống kê là khoa học về thu thập, phân tích, trình bày và diễn giải dữ liệu. Trong kinh tế và quản trị kinh doanh những thông tin có được từ quá trình trên giúp cho nhà quản lý và người ra quyết định có sự hiểu biết sâu sắc hơn về môi trường kinh tế và kinh doanh, từ đó đưa ra quyết định chính xác và tốt hơn. Trong chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề chung như là sự nhập môn về thống kê, cụ thể: sự ra đời, phát triển và vai trò của thống kê; nội dung và các khái niệm cơ bản thường dùng trong thống kê; các thang đo và các phương pháp thống kê.

Nội dung:

1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê

1.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển và vai trò của TK trong đời sống xã hội

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê

1.2. Các khái niệm thường dùng trong thống kê

1.2.1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể

1.2.2. Tiêu thức thống kê

1.2.3. Chỉ tiêu thống kê

1.3. Thang đo trong thống kê

1.3.1. Thang đo định danh

1.3.2. Thang đo thứ bậc

1.3.3. Thang đo khoảng

1.3.4. Thang đo tỷ lệ

1.4. Các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê

CHƯƠNG 2 – THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ

Giai đoạn đầu tiên của quá trình nghiên cứu thống kê là thu thập thông tin – Điều tra thống kê – là giai đoạn có ý nghĩa quyết định đến chất lượng thông tin thống kê. Nhiệm vụ chủ yếu của điều tra thống kê là thu thập được đầy đủ thông tin cần thiết về hiện tượng nghiên cứu, làm cơ sở cho việc tổng hợp và phân tích. Tuy nhiên, đối tượng của thống kê thường là những hiện tượng số lớn, phức tạp bao nhiêu nhiều đơn vị, phân tử khác nhau. Vì vậy, việc thu thập các thông tin này cũng hết sức phức tạp. Do sự đa dạng, phong phú và phức tạp của đối tượng nghiên cứu, nên muốn đáp ứng được mục đích nghiên cứu, muốn giải quyết được một vấn đề lý thuyết hoặc thực tế đã được định trước đòi hỏi các cuộc điều tra thống kê phải được tổ chức một cách khoa học, có kế hoạch tập trung, thống nhất, có chuẩn bị chu đáo theo những nguyên tắc khoa học nhất định.

Nội dung:

2.1. Khái niệm về thu thập thông tin thống kê

2.2. Các hình thức thu thập thông tin

2.2.1. Báo cáo thống kê định kỳ

2.2.1.1. Báo cáo thống kê tổng hợp

2.2.1.2. Báo cáo thống kê cơ sở

2.2.2. Điều tra thống kê

2.2.2.1. Khái niệm chung về điều tra thống kê

2.2.2.2. Các loại điều tra thống kê

2.2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin trong điều tra thống kê

2.2.2.4. Phương án điều tra

2.2.2.5. Sai số trong điều tra thống kê

2.2.3. Khai thác dữ liệu hồ sơ hành chính

CHƯƠNG 3 – TỔNG HỢP THỐNG KÊ

Sau khi tiến hành điều tra thống kê, ta sẽ thu được những tài liệu phản ánh được những đặc trưng riêng rẽ về từng đơn vị tổng thể. Do vậy chưa thể sử dụng các tài liệu này vào phân tích để nêu rõ bản chất, quy luật phát triển của toàn bộ hiện tượng. Muốn làm được điều này, cần phải tiến hành hệ thống hóa các tài liệu đã thu được trong điều tra để làm cho các tài liệu riêng rẽ về từng đơn vị tổng thể trở thành những con số phản ánh đặc trưng chung của toàn bộ hiện tượng, trên cơ sở đó, giúp ta có nhận định chung về toàn bộ hiện tượng nghiên cứu và là cơ sở để sử dụng các phương

pháp phân tích và dự đoán thống kê. Nội dung chương này sẽ đề cập đến các phương pháp tổng hợp dữ liệu thống kê để thực hiện mục đích trên.

Nội dung:

3.1. Phân tổ thống kê

3.1.1. Khái niệm chung về phân tổ thống kê

3.1.1.1. *Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê.*

3.1.1.2. *Các loại phân tổ thống kê.*

3.1.1.3. *Tiêu thức phân tổ và chỉ tiêu giải thích.*

3.1.2. Các bước phân tổ thống kê

3.1.2.1. *Xác định mục đích phân tổ*

3.1.2.2. *Lựa chọn tiêu thức phân tổ*

3.1.2.3. *Xác định số tổ và khoảng cách tổ*

3.1.2.4. *Phân phối các đơn vị vào từng tổ*

3.1.3. Dãy số phân phối

3.1.3.1. *Khái niệm và các loại dãy số phân phối*

3.1.3.2. *Dãy số lượng biến*

3.2. Bảng thống kê

3.3. Đồ thị thống kê

CHƯƠNG 4 – CÁC MỨC ĐỘ THỐNG KÊ MÔ TẢ

Các hiện tượng kinh tế - xã hội tồn tại trong những điều kiện thời gian và địa điểm nhất định. Mỗi đặc điểm cơ bản của hiện tượng thường có thể được biểu hiện bằng các mức độ khác nhau. Việc nghiên cứu các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội là một trong những nội dung của phân tích thống kê, nhằm vạch rõ mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Đây cũng là cơ sở xuất phát của nhiều nội dung phân tích thống kê khác.

Trong phân tích thống kê, các mức độ của hiện tượng bao gồm: số tuyệt đối và số tương đối, các mức độ trung tâm, các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức.

Nội dung:

4.1. Số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê

4.1.1. Số tuyệt đối trong thống kê

4.1.1.1. *Khái niệm*

4.1.1.2. *Các loại số tuyệt đối*

4.1.2. Số tương đối trong thống kê

4.1.2.1. *Khái niệm*

4.1.2.2. *Các loại số tương đối*

4.1.3. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê

4.2. Các mức độ trung tâm

4.2.1. *Số trung bình*

4.2.2. *Mốt*

4.2.3. *Trung vị*

4.3. Các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức

- 4.3.1. Khoảng biến thiên
- 4.3.2. Độ lệch tuyệt đối bình quân
- 4.3.3. Phương sai
- 4.3.4. Độ lệch tiêu chuẩn
- 4.3.5. Hệ số biến thiên

CHƯƠNG 5 - ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

Thực tế khi phân tích các hiện tượng kinh tế - xã hội cho thấy không phải lúc nào chúng ta cũng có thể nghiên cứu cũng như thu thập số liệu của tổng thể chung hay tất cả các đơn vị thuộc đối tượng nghiên cứu. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do tổng thể chung quá lớn làm cho chi phí cao, mất nhiều thời gian và gặp nhiều sai số trong quá trình điều tra hay thu thập số liệu, hoặc do không thể xác định được qui mô tổng thể chung hay tổng thể chung không xác định làm việc nghiên cứu không khả thi hoặc cũng có thể là khi nghiên cứu toàn bộ tổng thể chung sẽ làm phá vỡ hay ảnh hưởng đến tổng thể chung. Một tổng thể thể mẫu sẽ được chọn ra để thu thập tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, kết quả nghiên cứu mẫu sẽ được suy diễn ra các kết quả của tổng thể chung. Tuy nhiên, khi ước lượng kết quả luôn tồn tại một sai số khi ước lượng, hơn nữa việc xác định qui mô mẫu cũng như xác định phương pháp chọn mẫu để đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra cũng là một vấn đề quan trọng.

Nội dung chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề chung về điều tra chọn mẫu, các vấn đề cơ bản trong điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên, phương pháp ước lượng trung bình và tỷ lệ trong điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên Cuối cùng giới thiệu các hình thức tổ chức chọn mẫu khác nhau.

Nội dung:

5.1. Những vấn đề chung về điều tra chọn mẫu

- 5.1.1. Khái niệm, ưu điểm, hạn chế và trường hợp vận dụng ĐTCM
- 5.1.2. Tổng thể chung và tổng thể mẫu
- 5.1.3. Chọn hoàn lại và không hoàn lại

5.2. Cơ sở của ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê

- 5.2.1. Biến ngẫu nhiên
- 5.2.2. Quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên
- 5.2.3. Định lý giới hạn trung tâm

5.3. Ước lượng kết quả điều tra

- 5.3.1. Sai số trong điều tra chọn mẫu
- 5.3.2. Ước lượng trung bình của tổng thể
- 5.3.3. Ước lượng tỷ lệ tổng thể chung
- 5.3.4. Xác định kích thước mẫu

5.4. Kiểm định giả thuyết thống kê

- 5.4.1. Những vấn đề chung về kiểm định giả thuyết thống kê
- 5.4.2. Kiểm định trung bình một tổng thể

5.5. Một số phương pháp tổ chức chọn mẫu thường dùng trong thống kê

CHƯƠNG 6 - PHÂN TÍCH HỒI QUY VÀ TƯƠNG QUAN

Các hiện tượng kinh tế - xã hội luôn tồn tại và phát triển trong mối liên hệ và tác

động qua lại với nhau. Do vậy ngoài việc nghiên cứu bản chất hiện tượng cần phân tích mối liên hệ, tác động của hiện tượng nghiên cứu với các hiện tượng khác. Thực tế nghiên cứu cho thấy kết quả của việc nghiên cứu mối liên hệ là rất hữu ích trong việc xác định được những nhân tố có mối liên hệ và tác động lớn đến hiện tượng nghiên cứu để từ đó làm căn cứ cho việc hoạch định các chính sách và quyết định quản lý. Ngoài việc phân tích mối liên hệ, phân tích hồi quy - tương quan còn là cơ sở để xây dựng phương pháp dự đoán hữu ích dựa trên mối liên hệ. Sau khi xây dựng được phương trình hồi quy phù hợp sử dụng phương pháp ngoại suy sẽ cho kết quả dự đoán tương ứng.

Nội dung chương này đề cập đến: một số vấn đề chung về mối liên hệ và nhiệm vụ của phương pháp hồi quy tương quan; các kỹ thuật xây dựng phương trình hồi quy và phân tích mối liên hệ tương quan đơn giữa hai biến ở dạng tuyến tính và phi tuyến. Cuối cùng là giới thiệu phương pháp hồi quy tương quan bội.

Nội dung:

6.1. Nhiệm vụ của phân tích HQ và TQ

- 6.1.1. Liên hệ hàm số và liên hệ tương quan
- 6.1.2. Nhiệm vụ của phân tích hồi quy và tương quan
- 6.1.3. Ý nghĩa của phân tích hồi quy và tương quan

6.2. Hồi quy và tương quan đơn

- 6.2.1. Xây dựng phương trình hồi quy
- 6.2.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy

6.3. Hồi quy và tương quan bội

- 6.3.1. Xây dựng phương trình hồi quy
- 6.3.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy

CHƯƠNG 7 - PHÂN TÍCH DÃY SỐ THỜI GIAN

Dãy số thời gian là dãy các trị số của chỉ tiêu thống kê được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Để phân tích đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, chúng ta sử dụng 5 chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian. Một dãy số thời gian gồm có 4 thành phần là xu thế, biến động chu kỳ, biến động thời vụ, và biến động ngẫu nhiên, các thành phần này có thể kết hợp với nhau theo nhiều dạng. Để loại bỏ các tác động ngẫu nhiên giúp làm trơn dãy số và biểu hiện xu hướng biến động cơ bản của hiện tượng, chúng ta sử dụng phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian, dãy số bình quân trượt, và hàm xu thế. Thành phần thời vụ được tính dựa vào chỉ số thời vụ và được bóc tách dựa vào mô hình kết hợp các thành phần của dãy số thời gian. Một trong những ứng dụng quan trọng nữa của dãy số thời gian là dự đoán trên cơ sở phân tích các đặc điểm và thành phần của dãy số thời gian. Tất cả các nội dung trên được trình bày trong chương này.

Nội dung:

7.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian

- 7.1.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian (Khái niệm, kết cấu)
- 7.1.2. Tác dụng của dãy số thời gian
- 7.1.3. Các loại dãy số thời gian

7.1.4. Yêu cầu đối với việc xây dựng dãy số thời gian

7.2. Các chỉ tiêu phân tích đặc điểm biến động hiện tượng qua thời gian

7.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian

7.2.2. Lượng tăng (giảm) tuyệt đối

7.2.3. Tốc độ phát triển

7.2.4. Tốc độ tăng (giảm)

7.2.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tốc độ tăng (giảm)

7.3. Một số phương pháp biểu diễn xu hướng biến động cơ bản của hiện tượng

7.3.1. Dãy số bình quân trượt

7.3.2. Hàm xu thế

7.4. Một số phương pháp dự đoán ngắn hạn thường dùng trong thống kê

7.4.1. Dự đoán dựa vào lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân

7.4.2. Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển bình quân

7.4.3. Dự đoán bằng phương pháp ngoại suy hàm xu thế

CHƯƠNG 8 - PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ

Chỉ số là một phương pháp quan trọng, là công cụ hữu hiệu trong thống kê và trong nghiên cứu, phân tích kinh tế xã hội nói chung. Đây là phương pháp phân tích sự biến động của của hiện tượng qua các điều kiện thời gian và không gian khác nhau; phân tích mức các ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành tới sự biến động đó. Nội dung của chương này sẽ trình bày chi tiết về lý thuyết chỉ số, từ khái niệm, phân loại, đặc điểm đến phương pháp xây dựng các chỉ số cơ bản; phương pháp phân tích bằng hệ thống chỉ số.

Nội dung:

8.1. Khái niệm chung về phương pháp chỉ số

8.1.1. Khái niệm, đặc điểm của phương pháp chỉ số

8.1.2. Tác dụng của phương pháp chỉ số

8.2. Chỉ số phát triển

8.2.1. Chỉ số đơn

8.2.2. Chỉ số tổng hợp

8.3. Chỉ số không gian

8.3.1. Chỉ số đơn

8.3.2. Chỉ số tổng hợp

8.4. Hệ thống chỉ số

8.4.1. Khái niệm, tác dụng của HTCS

8.4.2. Hệ thống chỉ số tổng hợp

8. GIÁO TRÌNH

8.1. PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2015), *Giáo trình Lý thuyết Thống kê*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 9.1. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Thống kê.
- 9.2. Hoàng Trọng (2008) *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*
- 9.3. Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.
- 9.4. PGS. TS Nguyễn Cao Văn, TS Trần Thái Ninh (2008), *Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- 9.5. Nguyễn Hữu Hòe (1984), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Thống kê
- 9.6. Viện khoa học thống kê (2005), *Một số vấn đề phương pháp luận thống kê*, NXB Thống kê.
- 9.7. David R. Anderson, Dennis J. Sweeney (2011), Thomas A. Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.
- 9.8. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.
- 9.9. McGraw-Hill Irwin (2002), *Complete Business Statistic*, Fifth edition.

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC CỦA HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp & phương tiện giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại với phương châm “lấy người học làm trung tâm”. Giảng viên sẽ đóng vai trò giới thiệu kiến thức và hướng dẫn sinh viên trao đổi và tranh luận thông qua nghiên cứu tình huống kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp. Bài giảng được thiết kế đan xen các hoạt động bao gồm: Bài giảng, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, trắc nghiệm.
- Phương tiện giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, bảng, giấy.

10.2. Phương pháp học:

Sinh viên bắt buộc tham gia các giờ giảng, giờ thảo luận, giờ thực hành trên lớp; kết hợp với thực hiện việc tự học như sau:

- Sinh phải chủ động tìm kiếm và đọc các tài liệu tham khảo giảng viên giao trước mỗi bài giảng.
- Sinh viên phải hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giảng viên giao theo lịch trình giảng dạy.
- Sinh viên được khuyến khích nghiên cứu thêm các chủ đề và vấn đề liên quan tới môn học, và thảo luận với giảng viên về các vấn đề đó.

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

11.1. Thang điểm đánh giá: 10

11.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần		
----	------	----------	-----------------------	--	--

	thành phần (Tỷ lệ %)	<i>(Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)</i>	LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2	LO.3.1	LO.3.2
1	Điểm quá trình (40%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x	X	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13 - Hệ số: 30%	x	x	x	x	X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x	X	x

12. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1: Giới thiệu chung về thống kê	- Hoạt động làm quen - Bài giảng về Giới thiệu chung về thống kê - Thảo luận những vấn đề chung	2/1	8.1 9.1 9.3 9.8	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 2: Thu thập thông tin thống kê	- Bài giảng về thu thập thông tin thống kê - Thảo luận tình huống thực tế	2/1	8.1 9.1 9.3	LO.1.1 LO.1.2

				9.8	
Tuần 3	Chương 3: Tổng hợp thống kê	- Bài giảng về tổng hợp thống kê - Làm bài tập - Thực hành SPSS	2/1	8.1 9.1 9.6 9.9	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4+5	Chương 4: Các mức độ thống kê mô tả	- Bài giảng về thị trường và thống kê thị trường - Bài tập tình huống, thảo luận - Thực hành SPSS	4/2	8.1 9.1 9.5 9.6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6+7	Chương 5: Điều tra chọn mẫu	- Bài giảng về Điều tra chọn mẫu - Làm bài tập - Thực hành SPSS	4/2	8.1 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 8+9	Chương 6: Phân tích hồi quy và tương quan	- Bài giảng về Phân tích hồi quy và tương quan - Làm bài tập - Thực hành SPSS	4/2	8.1 9.3 9.4 9.8	LO.2.1 LO.2.2
Tuần 10+1 1	Chương 7: Phân tích dãy số thời gian	- Bài giảng về Phân tích dãy số thời gian - Làm bài tập - Thực hành SPSS	4/2	8.1 9.1 9.9	LO.3.1 LO.3.2
Tuần 12+1 3	Chương 8: Phương pháp chỉ số	- Bài giảng về Phương pháp chỉ số - Làm bài tập	2,5/2	8.1 9.1 9.6	LO.3.1 LO.3.2
		Tổng số	37,5		

Hà Nội, ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

KT/TRƯỞNG BỘ MÔN
PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Trần Thị Nga